TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **78**/HNGĐ-ST.
Ngày: 14/4/2023.
V/v: "Tranh chấp ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên - Cán bộ Hội Phụ nữ thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

2. Ông Trần Công Danh - Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 14 tháng 04 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 2542/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2022 về tranh chấp "Ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sư:

1. Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Trung P**, sinh năm 1994.

2. Bị đơn: Bà **Thị T**, sinh năm 1998.

Cùng địa chỉ: 73A, tổ 1B, khu phố 12, phường A, thành phố B, tỉnh Đ.

(Ông P có đơn xin vắng mặt, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 07/03/2023, nguyên đơn ông Huỳnh Trung P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh Đ vào ngày 05/03/2019. Trong thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, đã nhiều lần ông và bà T ngồi lại nói chuyện, tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Xét thấy đến nay tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không đạt được nên ông làm đơn xin được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông P xác định có 01 con chung là cháu Huỳnh Phúc K, sinh ngày 30/01/2019. Ly hôn, ông đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K. Tạm thời không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do bận công việc nên ông đề nghị vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn bà Thị T đã được tống đạt giấy triệu tập và các văn bản theo trình tự tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, tham gia tố tụng cũng như xét xử nên không có lời khai, văn bản trình bày ý kiến về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý, nguyên đơn, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và T thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P đối với bà T; giao con chung cho ông P nuôi dưỡng, không xem xét việc cấp dưỡng vì đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tố tụng:

- *Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:*

Ông Huỳnh Trung P khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Thị T và yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định ông P là nguyên đơn, bà T là bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn, con chung".

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Qua xác minh tại địa phương, bà Thị T hiện đang sinh sống tại phường A, thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của ông P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về thủ tục tố tụng khác*: Ông Huỳnh Trung P có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận, còn bị đơn bà Thị T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ông Huỳnh Trung P và bà Thị T chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32/2019, ngày 05/03/2019. Đối chiếu quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân của ông P và bà T là hợp pháp.

Ông P khai sau quá trình chung sống ban đầu thì hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Đến nay tình cảm không còn, không còn quan tâm đến nhau.

Xét thấy: Tại biên bản xác minh ngày 25 tháng 11 năm 2022, Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh Đ xác định không có biết mâu thuẫn của ông P và bà T vì các đương sự không trình báo, không yêu cầu hòa giải. Quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định cho bà T nhưng bà T không đến làm việc, tham gia tố tụng cũng như tham gia phiên tòa xét xử. Điều này chứng tỏ bà T đã không còn thiết tha, không còn quan tâm và mặc kệ quan hệ hôn nhân với ông P. Như vậy, mâu thuẫn giữa ông P và bà T là có thật, trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, ông P được ly hôn bà T là phù hợp.

Về con chung: Ông P xác định có có 01 con chung là cháu Huỳnh Phúc K, sinh ngày 30/01/2019. Ly hôn, ông đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K. Tạm thời không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy hiện nay cháu K từ nhỏ đã sinh sống cùng ông P, ông P có công việc, thu nhập ổn định,

đủ khả năng nuôi cháu K. Vì vậy, để tránh ảnh hưởng, xáo trộn đến cuộc sống, tâm sinh lý, sinh hoạt hằng ngày và học tập của các cháu nên Hội đồng xét xử giao con chung là cháu K cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung, ông P không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nên ghi nhận, tạm thời bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông P xác định không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Ông P xác định không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Bà T không có lời khai, văn bản trình bày ý kiến nên không đủ cơ sở xác định đối với phần tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, đối với phần tài sản chung, nợ chung tách ra giải quyết bằng vụ việc khác khi các đương sự có yêu cầu giải quyết theo quy định.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ông Huỳnh Trung P phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Trung P đối với bà Thị T.

Cho ông Huỳnh Trung P được ly hôn bà Thị T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Huỳnh Phúc K, sinh ngày 30/01/2019 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, tạm thời không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

Đồng thời, bà T vắng mặt không có lời khai nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Ông Huỳnh Trung P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông P đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai T số 0004200 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Ông P đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Ông Huỳnh Trung P, bà Thị T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự TP.Biên Hòa;
- UBND phường An Bình, TP.Biên Hoà;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Hòa